

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 787/2026/DS-PT
Ngày: 04/9/2026
V/v Tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Thị Ánh Bình

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh L xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý **425/2026/TLPT – DS ngày 01/7/2026 về việc “Tranh chấp thừa kế”**.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2026/ DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 722/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 913/2026/QĐ- PT ngày 26 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm: 1953; Địa chỉ: ấp A, phường A, tỉnh Vĩnh L; xin xét xử vắng mặt

2. Bị đơn:

2.1. Bà Đoàn Thị T, sinh năm: 1949; Địa chỉ thường trú: 217, ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh L. Địa chỉ tạm trú: 411/29/8, Lê Đức T2, khu phố A, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; xin xét xử vắng mặt

2.2. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1952; Địa chỉ: C, ấp A, phường A, tỉnh Vĩnh L; xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Lê Minh T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:

Cha của ông tên Lê Thành N sinh năm 1922, mẹ tên Đoàn Thị T sinh năm 1929. Mẹ của ông chết năm 2005 và cha thì chết năm 2010. Cha mẹ của ông có 03 người con lần lượt là bà Đoàn Thị T, Đoàn Thị M và Lê Minh T. Các chị của ông trước đây đều lấy theo họ mẹ, sau giải phóng thì ông T mới đổi lại họ theo họ của

cha.

Quá trình chung sống cha mẹ của ông T có được khối tài sản chung là thửa đất 255 tờ 08 (có 143 m² đất ở) và thửa 256 tờ 08 (có 4.344,6 m² đất cây lâu năm) tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre cũ và căn nhà cây trên thửa đất 255 nêu trên.

Sau khi mẹ và cha của ông mất, đến khoảng năm 2009 thì ông T, bà M và bà T có tiến hành các thủ tục để đo đạc tách các thửa đất do cha mẹ để lại cho 3 chị em đứng tên (Theo di chúc của cha và thỏa thuận của chị em). Theo đó các thửa đất trên được điều chỉnh diện tích và tách thành các thửa đất 255 tờ 08, diện tích 1.141,8 m² trong đó có 100 m² đất thổ cư do bà Đoàn Thị M quản lý canh tác sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thửa số 839 tờ 08 diện tích 1.107,4 m² đất cây lâu năm do ông Thanh quản L sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Thửa 840 tờ 08 diện tích 1.107,4 m² trong đó có 100 m² đất thổ cư do ông Thanh quản L sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Thửa 841 tờ 08 diện tích 1.126,1 m² trong đó có 100 m² đất thổ cư do bà T quản lý sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn nhà cấp 4 của mẹ ông là nhà cột gỗ, vách gỗ, lợp tôn firo xi măng cất vào khoảng năm 1976. Mẹ ông mất năm 2005, lúc đó ông sinh sống ở tỉnh Lâm Đồng nên căn nhà này do bà Đoàn Thị M tạm thời sinh sống, quản lý. Khoảng năm 2007 bà M cất nhà tường ở phần đất kế bên của bà M, không ở căn nhà của cha mẹ ông nữa, cũng không cải tạo gì căn nhà nên qua thời gian căn nhà xuống cấp trầm trọng, và hiện nay không còn căn nhà này. Khi cha mẹ ông chết không giao căn nhà cho người con nào thừa kế cũng không để lại di chúc vì dự định để nhà làm nhà thờ. Tuy căn nhà của mẹ đã không còn nhưng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố B (cũ) cấp ngày 03/10/2001 thì cụ T có 143 mét vuông đất thổ tại thửa 255 nêu trên. Theo ông T diện tích 143m², ký hiệu trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chữ “T” là đất thổ, là căn nhà của cha mẹ ông, nên ông khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế do cha ruột ông là ông Lê Thành N và mẹ ruột ông là bà Đoàn Thị T chết để lại là căn nhà cây này, cụ thể ông T yêu cầu được nhận ½ diện tích nhà cây là khoảng 90m² được cất ở thửa 255 tờ 08 cũ của mẹ ông, nay là một phần thửa đất 840, thửa 841, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre hiện do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa 840 và bà Đoàn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa 841.

Mục đích ông khởi kiện là để ông được nhận ½ quyền ở lại căn nhà cũ do cha mẹ ông để lại, để ông có thể làm các thủ tục lưu cư hợp pháp, lấy nơi ở trong lúc tuổi già và thờ cúng ông bà tổ tiên, ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu chia giá trị căn nhà của cụ T để lại.

Bị đơn (bà T) có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, có ý kiến trình bày như sau:

Thông tin về cha mẹ, năm sinh năm mất giống như ông T trình bày trong đơn khởi kiện.

Về hàng thừa kế của cụ N, cụ T gồm có bà, bà M và ông T.

Về tài sản của cha mẹ để lại thì có khoảng 4,5 công đất tọa lạc tại xã M, nay là phường A, tỉnh Vĩnh L. Nguồn gốc là của bà nội để lại. Sau khi cha mẹ chết thì bà,

bà M và ông T đã tiến hành phân chia di sản là quyền sử dụng đất của cha mẹ theo ý nguyện của cha và thỏa thuận của 03 chị em. Ông T được đứng tên 02 thửa đất là thửa 839 và 840 tờ 08 tại xã M; bà T đứng tên thửa đất 841 tờ 08 và bà M đứng tên thửa đất thửa 255 tờ 08. Các thửa đất trên đều tọa lạc tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh L). Các thửa đất trên đều có diện tích mỗi thửa hơn 1 công đất và trong đó mỗi người đều có 100 m² đất thổ cư. Các ông bà đã nhận đất canh tác sử dụng đến nay là hơn chục năm không có tranh chấp với ai.

Trên thửa đất trước đây của cha mẹ bà có 01 căn nhà là nhỏ của bà nội để lại. Hiện trạng căn nhà lúc bà nội để lại là nhà lá, vách cây. Sau này mẹ bà và các chị em ở thì cải tạo dần thành nhà mái tole fribo xi măng, nền đất, vách cây tạp để ở. Sau khi mẹ của bà mất căn nhà này để trống không có ai ở vì bà đã có gia đình ở xã khác, bà M có nhà ở kế bên còn ông T thì ở Lâm Đồng; cha của bà thì cũng ở nơi khác. Do không có người ở, chăm sóc nên căn nhà xuống cấp tự hư hại. Bà M ở kế bên sợ sập qua nhà bà M nên có nói với bà việc tháo dỡ. Sau đó bà M tự thuê người dọn dẹp chứ bà hay bà M cũng không có tháo dỡ căn nhà của mẹ. Căn nhà này nếu đến nay còn tồn tại thì cũng không có giá trị gì vì đã hư hại và mỗi một không sử dụng được. Một thời gian sau khi căn nhà của mẹ sập thì ông T tự ý đi mua nhà cây ở đâu về lắp ráp trên đất ông T và một phần đất của bà T. Bà không đồng ý cho ông T ráp nhà cây qua đất của bà nhưng ông T vẫn tự ý ráp. Đất của cha mẹ đã phân chia xong, không ai tranh chấp; Nhà cây của mẹ trước đây từng ở thì không còn do tự sập nát không còn giá trị gì để chia. Do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Đối với căn nhà cây mà ông T có xây lắp qua một phần thửa đất do bà đứng tên thì bà và ông T sẽ tự thương lượng giải quyết. Bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Bị đơn bà Đoàn Thị M có yêu cầu giải quyết vắng mặt có ý kiến trình bày như sau:

Về thông tin cha mẹ và chị em thì giống như ông T và bà T trình bày.

Về di sản của cha mẹ thì chị em trong gia đình đã chia thừa đất của cha mẹ cho các chị em, nên hiện nay đất của cha mẹ đã chia xong. Ông T được được khoảng hơn 2 công; bà M và bà T mỗi người hơn 01 công đất. Ông bà đã chia đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào khoảng năm 2011. Từ đó đến nay đất của ai người đó canh tác. Bà đã cất nhà cấp 4 để ở và trồng cây lâu năm trên đất.

Trước đây ở trên đất của cha mẹ có 01 căn nhà cây, mái tôn firo xi măng do mẹ của bà dựng để mẹ con bà ở. Sau khi các chị em chia đất thì căn nhà cây của cụ T nằm hoàn toàn trong đất của bà T rộng chừng 120 m². Khi mẹ chết thì căn nhà cây này bà M ở một thời gian đến năm 2006 thì bà M cất nhà nhỏ ở sát bên căn nhà này để ở. Vì vậy căn nhà cây của cụ T không ai ở đã dần xuống cấp theo thời gian và tự sập. Bà đã yêu cầu ông T, bà T tháo dỡ nhưng ông T không có ý kiến, còn bà T thì nói bà tự kêu người dỡ. Khoản năm 2022 thì nhà cây của cụ T hư hỏng và sập nặng, bà đã thuê người dỡ và dọn dẹp đất hết 3 triệu đồng.

Cũng khoảng năm 2022 thì ông T ở trên Lâm Đồng về đây muốn nhà sinh sống, và mua nhà cây ở đâu về ráp trên đất của bà T. Hiện trên đất bà T có căn nhà cây của ông T tự ý ráp, rộng chừng 120m².

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T bà có ý kiến như sau: Đất của cha mẹ thì đã chia xong vào năm 2011, ai cũng có phần sử dụng ổn định đến nay. Nhà cây của mẹ để lại thì đã hư hỏng và sập theo thời gian không còn giá trị gì để chia. Do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Còn việc ông T muốn cư trú ở trên đất của ông T thì ông T tự làm thủ tục để được cư trú.

Căn nhà cây mà ông T tự ráp trên đất của bà T bà cũng không có ý kiến gì khác, đó là việc của bà T và ông T. Bà không có yêu cầu gì khác trong vụ án này. Do lớn tuổi nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2026/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh L đã quyết định:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Lê Thành N và cụ Đoàn Thị T chết để lại là căn nhà gỗ có chiều ngang khoảng 12m, chiều dài khoảng 15m, diện tích khoảng 180m²; Yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích nhà gỗ khoảng 90m² được cất trên một phần thửa đất 840, thửa 841, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là phường A, tỉnh Vĩnh L)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/5/2026, nguyên đơn ông Lê Minh T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 28, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Minh T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu về án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Người kháng cáo và có liên quan nội dung kháng cáo đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn Lê Minh T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thừa nhận di sản của cha mẹ chết để lại đã được chia thừa kế xong trên thực tế, ông T đã nhận thừa 839 diện tích 1.107,4m² đất cây lâu năm và thừa 840 diện tích 1.107,4m², trong đó có 100m² đất ở. Căn nhà do cha mẹ chết để lại đã không còn tồn tại do nguyên nhân tự nhiên (thời gian xây dựng đã lâu, nhà gỗ bị mối mọt, hư hỏng không do nguyên nhân từ phía bị đơn) và ông T không yêu cầu chia thừa kế bằng giá trị nên căn nhà theo yêu cầu khởi kiện không thỏa điều kiện là di sản theo quy định tại Điều 612 của Bộ luật dân sự. Quyền sử dụng đất gắn liền căn nhà cũng đã được phân chia xong. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở.

[3] Từ cơ sở pháp lý và đánh giá chứng cứ như đã nhận định trên, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn.

Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lê Minh T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 112/2026/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh L.

Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 611, 612, 613, 650, 651, 659 và 660 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh T về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Lê Thành N và cụ Đoàn Thị T chết để lại là căn nhà gỗ có chiều ngang khoảng 12m, chiều dài khoảng 15m, diện tích khoảng 180m²; Yêu cầu được nhận ½ diện tích nhà gỗ khoảng 90m² được cất trên một phần thửa đất 840, thửa 841, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Nay là phường A, tỉnh Vĩnh L)

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho nguyên đơn Lê Minh T do là người cao tuổi.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh L;
- TAND khu vực 5 -Vĩnh L;
- VKSND khu vực 5 - Vĩnh L;
- THADS tỉnh Vĩnh L;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Triệu Hữu